

Số: 2665741

	SINOTRUK 4x2	THACO LINKER T3-5.0
Giá niêm yết:	850.000.000đ	499.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxX)	6.255 x 2.500 x 3.840 mm	4.650 x 1.870 x 2.340 mm
Chiều dài cơ sở	3.600 mm	2.300 mm
Vết bánh xe trước/sau	2.040/1.860 mm	1.424 / 1.294 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	6.135 kg	2.810 kg
Khối lượng chở cho phép	9.630 kg	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	15.895 kg	4.995 kg
Khối lượng kéo theo	33.600 kg	
Số chỗ ngồi	2 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAI WP7.300E51	WEICHAI - WP2.3Q95E50
Loại động cơ	Diesel, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (ECU)/	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	7.470 cc	2.289 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	300/2.100 Ps/(vòng/phút)	95 / 3.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	1.250/1.200-1.600 N.m/(vòng/phút)	245 / 1.200 ~ 2.600 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	FAST GEAR 9JS135A (09 số tiến, 01 số lùi)	WANLIYANG - 8MT (8 số tiến, 2 số lùi)
Tỷ số truyền	ih1 = 11,02; ih2 = 6,55; ih3 = 4,64; ih4 = 3,36; ih5 = 2,46; ih6 = 1,95; ih7 = 1,38; ih8 = 1,00; ih9 = 0,73; iR: 11,52	ih1= 9,785; ih2=6,477; ih3=4,421; ih4=3,219; ih5=2,213; ih6=1,435; ih7=1,000; ; ih8=0,728; iR1=9,785; iR2=2,213
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Khí nén 2 dòng	Cơ cấu phanh loại tang trống, dẫn động khí nén 2 dòng
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Nhíp ít lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
Sau	Nhíp ít lá, 2 tầng	Phụ thuộc, nhíp lá
LỚP XE:		
Trước/Sau	12R22.5	6.50-16
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	52,8 %	51,9 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	7,1 m	5,24 m
Tốc độ tối đa	98 km/h	82 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	400 lít	60 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực	Trục vít - êcu bi, dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực